

Bản án số: 1126/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 15/11/2018
V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 8 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Nhã.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kính.
2. Ông Hoàng Minh Đăng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Hứa Hồng Đào - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Kim Sinh - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 432/2018/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 5 năm 2018 về Ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 80/2018/QĐXXST – HNGĐ ngày 01 tháng 10 năm 2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2018/QĐST – HNGĐ ngày 25 tháng 10 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Đỗ Đức H, sinh năm 1975; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện Đ, Thành phố T; Tạm trú: 11/8B Đường H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Bà Lê Thị Thúy H, sinh năm 1979; Địa chỉ: ấp B, xã A, huyện Đ, Thành phố T; Tạm trú: 11/8B Đường H, Phường M, Quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ghi ngày 26 tháng 3 năm 2018 cùng các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án nguyên đơn ông Đỗ Đức H trình bày:

Ông và bà Lê Thị Thúy H sống chung vào cuối năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A huyện M Thành phố T. Mâu thuẫn gia đình xảy ra là do ông bà bất đồng về quan điểm, lối sống không phù hợp. Nay ông yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn với bà H.

Về con chung: Ông xác nhận có hai con chung tên Đỗ Thị Anh T sinh ngày 19/9/2000 và Đỗ Thị Thảo V sinh ngày 25/9/2009. Cháu T đã trưởng thành. Ông sẽ giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông sẽ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng

Về tài sản chung: Ông xác định tài sản chung đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông xác định không có nợ.

Đối với bị đơn bà Lê Thị Thúy H: Tòa án đã tiến hành thông báo thụ lý vụ án và đã nhiều lần triệu tập hợp lệ bà H đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng bà H không đến, do đó không có lời khai của đương sự tại tòa.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án; nguyên đơn chấp hành tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự; bị đơn chấp hành chưa tốt pháp luật tố tụng khi tham gia tố tụng dân sự. Về phần nội dung vụ án đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Xét đơn khởi kiện của ông Đỗ Đức H thì đây là vụ án tranh chấp về ly hôn; do bị đơn cư trú tại Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh, nên theo qui định tại Điều 28, Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 8, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Xét nguyên đơn ông Đỗ Đức H có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và bị đơn bà Lê Thị Thúy H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt tại phiên tòa, nên căn cứ vào khoản 1 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt họ.

[3] Xét việc ông Đỗ Đức H và bà Lê Thị Thúy H chung sống với nhau có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A huyện M Thành phố T, theo giấy chứng nhận kết hôn số 155, quyển số I/2003 đăng ký ngày 06/6/2003 nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét yêu cầu của ông H xin được ly hôn với bà H do ông H không còn tình cảm với bà H, cuộc sống chung vợ chồng không có hạnh phúc, không có tình nghĩa vợ chồng, đời sống chung không thể kéo dài và hai bên đã tự sống ly thân, bỏ mặc nhau, không còn yêu thương nhau, không giúp đỡ để cùng nhau phát triển. Mặc khác, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bà H nhiều lần đến Tòa để làm rõ tình trạng hôn nhân giữa ông H với bà H nhưng bà H không đến. Chứng tỏ bà H thiếu thiện chí để hòa giải những mâu thuẫn giữa vợ chồng, không xem trọng cuộc sống chung vợ chồng. Do đó, yêu cầu ly hôn của ông H là có căn cứ phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Xét về con chung: Quá trình chung sống ông H và bà H có hai con chung tên Đỗ Thị Anh T sinh ngày 19/9/2000 và Đỗ Thị Thảo V sinh ngày 25/9/2009. Cháu T đã trưởng thành, ông H xác nhận sẽ giao cháu V cho bà H trực tiếp nuôi

dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng; sự thỏa thuận này phù hợp với thực tế, đảm bảo quyền lợi cho con trẻ. Vì vậy, căn cứ vào Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao con chung tên Đỗ Thị Thảo V sinh ngày 25/9/2009 cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng, ông H cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 3.000.000 đồng.

[6] Xét về tài sản chung đương sự xác nhận đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông H phải chịu án phí theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 56 và Điều 58 của Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông Đỗ Đức H được ly hôn với bà Lê Thị Thúy H.

2. Về con chung: Con chung tên Đỗ Thị Anh T sinh ngày 19/9/2000 đã trưởng thành. Giao cho bà Lê Thị Thúy H trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Đỗ Thị Thảo V sinh ngày 25/9/2009, hàng tháng ông H cấp dưỡng nuôi con 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) cho đến khi con trẻ trưởng thành. Hai bên tự thỏa thuận thi hành, nếu không thỏa thuận được thì có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền thi hành.

Ông H có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của trẻ, theo yêu cầu của cha, mẹ, người thân thích, cơ quan quản lý nhà nước về gia đình, cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em hoặc Hội liên hiệp phụ nữ, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án không thực hiện việc cấp dưỡng theo thỏa thuận nêu trên; thì hàng tháng còn phải chịu khoản tiền lãi theo quy định pháp luật tương ứng với thời gian chưa thi hành án..

3. Về tài sản chung đương sự xác nhận đã tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết và nợ chung đương sự xác định không có nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0014650 ngày 07/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 8. Ông H đã thi hành xong phần án phí dân sự sơ thẩm.

Án phí cấp dưỡng nuôi con là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) ông H phải chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự Quận 8.

5. Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày họ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 8;
- Chi cục THADS Quận 8;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Nhã